

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN N K
THÀNH PHỐ C T**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 14/2020/KDTM-ST

Ngày: 21/9/2020

V/v “*Tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN N K, THÀNH PHỐ C T

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thúy Mai

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Trường Hoa

2. Bà Hồ Thị Kim Luyến

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hương – Thư ký Toà án nhân dân quận N K, thành phố C T.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận N K tham gia phiên tòa:** Bà Lê Hoàng Dung - Kiểm sát viên

Trong ngày 21 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận N K tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 23/2019/TLST-KDTM ngày 02/5/2019 về “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 381/2020/QĐXX-ST ngày 07 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Công ty Cổ phần Dược phẩm I**

Địa chỉ: 04 đường A, phường 1, thành phố C, tỉnh Đ

Đại diện theo pháp luật: Bà Trần Thị Đ

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đăng K

Bị đơn: **Ông Trần B**

Địa chỉ: 73 đường A, phường H, quận N K, thành phố C T

(*Đại diện nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai của đại diện nguyên đơn – Công ty Cổ phần Dược phẩm I trình bày:

Ngày 04/01/2017, Công ty CP dược phẩm I có ký hợp đồng mua bán số 156/HĐMB-CNCL4.2017 với ông Trần B (Chủ nhà thuốc X L) với nội dung công ty sẽ bán cho ông B các sản phẩm thuốc do công ty sản xuất và ông B phải thanh toán cho Công ty đúng giá trị ghi trên hóa đơn bằng tiền mặt hoặc

chuyển khoản. Sau khi ký hợp đồng, Công ty đã giao thuốc và xuất hóa đơn, ông B đã nhận đủ hàng nhưng không thực hiện việc thanh toán cho Công ty, trả nợ rất nhỏ giọt mặc dù đã hưởng rất nhiều quyền lợi từ chính sách bán hàng của công ty.

Sau nhiều lần nhắc nhở, đến ngày 06/7/2018, hai bên đối chiếu công nợ, ông Trần B xác nhận còn nợ công ty số tiền mua thuốc là 128.533.808 đồng. Tuy nhiên, sau đó ông B cũng không thanh toán cho công ty. Do đó, Công ty khởi kiện yêu cầu ông Trần B trả cho Công ty CP dược phẩm I số tiền 128.533.808 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Ông Trần B đã được Tòa án nhiều lần triệu tập để giải quyết vụ kiện nhưng đều vắng mặt không có lý do và không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty CP dược phẩm I. Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự, vụ kiện được đưa ra xét xử.

Tại phiên tòa:

Đại diện nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc cá nhân ông Trần B có trách nhiệm trả nợ cho Công ty CP dược phẩm I.

Ông Trần B vắng mặt.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:*

- Về tuân theo pháp luật tố tụng: Đối với Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Bị đơn không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án.

- Về giải quyết vụ án: Căn cứ vào hợp đồng mua bán số 156 và biên bản đối chiếu công nợ ngày 04/10/2018 được ký giữa nguyên đơn và bị đơn thể hiện ông Trần B còn nợ nguyên đơn số tiền 128.533.808 đồng. Bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn khởi kiện. Mặc dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần để giải quyết vụ kiện nhưng ông B không đến Tòa án, không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Từ đó cho thấy bị đơn mặc nhiên thừa nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Công ty CP dược phẩm I khởi kiện ông Trần B yêu cầu ông Trần B trả cho Công ty số tiền mua hàng mà ông B còn thiếu theo biên bản đối chiếu công nợ ngày 04/10/2018 nên xác định quan hệ pháp luật “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*”. Tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận N K, thành phố C T theo quy định tại Khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 04/01/2017, ông Trần B ký hợp đồng mua bán với Công ty CP dược phẩm I với tư cách là người đại diện của nhà thuốc X L. Tuy nhiên, theo

công văn của Phòng Tài chính kế hoạch thì hộ kinh doanh Nhà thuốc X L đăng ký lần đầu và được cấp giấy chứng nhận hộ kinh doanh vào ngày 04/4/2018 do bà Lý Ngọc Diễm là đại diện hộ kinh doanh. Đến ngày 23/4/2019, bà Lý Ngọc Diễm đã nộp hồ sơ về việc chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh nhà thuốc X L. Do đó, Tòa án không đưa và Lý Ngọc Diễm vào tham gia tố tụng. Quá trình giải quyết vụ kiện, phía Công ty cũng như ông Trần B không cung cấp được các tài liệu thể hiện thời điểm ký hợp đồng giữa các bên thì ông Trần B là đại diện hộ kinh doanh theo luật định hay là người đại diện theo ủy quyền. Do ông B trực tiếp ký hợp đồng, ký biên bản đối chiếu công nợ cũng như theo trình bày của đại diện nguyên đơn thì ông B là người trực tiếp thực hiện các giao dịch, nhận hàng, thanh toán tiền... nên Công ty yêu cầu ông B trả nợ với tư cách cá nhân là phù hợp.

Ông Trần B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông B.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Theo đại diện nguyên đơn trình ngày 04/01/2017, Công ty CP dược phẩm I có ký hợp đồng mua bán số 156/HĐMB-CNCL4.2017 với ông Trần Bê Lê, theo đó Công ty bán cho ông B các sản phẩm thuốc của Công ty và xuất hóa đơn cho ông B đầy đủ. Đến ngày 06/7/2018, hai bên đối chiếu công nợ, ông Trần B xác nhận còn nợ công ty số tiền mua thuốc là 128.533.808 đồng nhưng ông B không thực hiện nghĩa vụ thanh toán như đã thỏa thuận.

Hội đồng xét xử xét thấy, theo các tài liệu do nguyên đơn cung cấp gồm hợp đồng mua bán số 156 ngày 04/01/2017, biên bản đối chiếu công nợ ngày 04/10/2018 thể hiện khách hàng và ký tên là ông Trần Bê Lê; các hóa đơn giá trị gia tăng số 0127042, 0127043 cùng ngày 23/3/2018; 0127306, 0127307, 0127308, 0127309, 0127310, 0127311 cùng ngày 29/3/2018 cũng thể hiện họ tên người mua hàng là ông Trần Bê Lê. Tổng các hóa đơn có số tiền là 142.270.598 đồng. Theo đại diện nguyên đơn trình bày thì ông B được hưởng chính sách của Công ty và trả được một số lần tiền với tổng số tiền 33.004.672 đồng, số tiền ông B còn thiếu trước đó của Công ty là 19.267.882 đồng và lần cuối cùng ông B thanh toán là ngày 08/5/2018. Do đó, đến ngày 04/10/2018, hai bên ký biên bản đối chiếu công nợ, ông B xác nhận còn nợ Công ty số tiền 128.533.808 đồng. Như vậy, lời trình của nguyên đơn là phù hợp với các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Ông Trần B mặc dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần để giải quyết vụ kiện nhưng đều vắng mặt và cũng không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn hay cung cấp bất kỳ tài liệu chứng cứ nào để phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Từ đó, cho thấy ông B mặc nhiên thừa nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

Ông B vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn nhưng nguyên đơn không yêu cầu tính lãi. Đây là sự tự nguyện của nguyên đơn và có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Từ những nhận định trên về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp.

[4] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 30, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng Điều 50 Luật Thương mại.
- Áp dụng Điều 305 Bộ luật dân sự.
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Công ty Cổ phần Dược phẩm I:

Buộc ông Trần Bcó trách nhiệm trả cho Công ty Cổ phần Dược phẩm Isố tiền 128.533.808đồng (*Một trăm hai mươi tám triệu năm trăm ba mươi ba nghìn tám trăm linh tám đồng*).

Keà töø khi nguyean ñôn coù ñôn yeâu caàu thi haønh aùn maø bò ñôn chöa thi haønh soá tieàn neâu treân thì bò ñôn coøn phaûi chöu tieàn laõi do chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự töøng öùng vöùi soá tieàn vaø thôøi gian chöa thi haønh aùn.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Ông Trần Bphải chịu 6.427.000đồng (*Sáu triệu bốn trăm hai mươi bảy nghìn đồng*) – đã làm tròn số . Hoàn lại cho Công ty CP Dược phẩm I 3.213.500đồng (*Ba triệu hai trăm mười ba nghìn năm trăm đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 000376 ngày 23/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận N K, thành phố C T.

3. Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

- VKSND Q.N K;
- CCTHADS Q.N K;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Thị Thúy Mai